

Số: 25/CV-CT

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP cổ phần xi măng Sài Sơn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn
 - Mã chứng khoán: SCJ
 - Địa chỉ: Thôn Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ/Tel: 02433132183
 - Website: ximangsaicon.com
- Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC kiểm toán năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

-Các trường hợp giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023).

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của báo cáo kiểm toán năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo kiểm toán năm 2022:

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/03/2024 tại đường dẫn: <http://ximangsaigon.com/bao-cao-kiem-toan-va-bao-cao-thuong-nien-2023/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2023
- Công văn số 24./CV-CT ngày 27/03/2024.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN SỸ TIỆP**



Số: 24/CV-CT

V/v: Giải trình nguyên nhân LNST giữa báo cáo kiểm toán năm 2023 lãi và LNST chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm ngoái

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
2. Mã chứng khoán: SCJ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: 04.33132183 Fax: 04.33132597

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân LNST trên báo cáo kiểm toán năm 2023 lãi và LNST năm 2023 chênh lệch trên 10% so với LNST năm 2022 trên báo cáo kiểm toán như sau:

+ Lãi vay phải trả năm 2023 giảm hơn rất nhiều so với lãi vay phải trả của năm 2022. Chính vì vậy nên công ty chúng tôi giảm được chi phí loại trừ lãi vay theo nghị định 68/2020/NĐ-CP do đó thuế TNDN phải nộp trong năm 2023 của công ty chúng tôi giảm được 30% so với năm 2022

- Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn là đơn vị đã khẳng định được thương hiệu xi măng Sài Sơn và Nam Sơn trên thị trường, Công ty đã tìm mọi giải pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá bán để bán hết sản phẩm, tăng độ phủ trên thị trường, đảm bảo ổn định đời sống cho người lao động, nộp ngân sách nhà nước.

Chính vì vậy nên lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kiểm toán năm 2023 lãi và chênh lệch trên 10% so với lợi nhuận trên báo cáo kiểm toán năm 2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

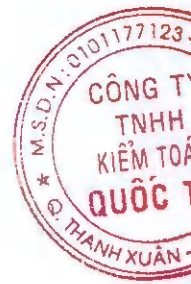
CÔNG TY CP XI MĂNG SÀI SƠN



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN SỸ TIỆP**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vương Đức Nhật	Thành viên
Bà Phan Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vương Đức Nhật	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Chung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Na	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Bà Phùng Thị Duyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Sỹ Tiệp - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vương Đức Nhật

Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Số: 032101/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 503.150.932.049 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Đặng Thị Phương Thảo.

Đặng Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5169-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.604.584.561	333.048.071.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.641.327.115	13.892.024.567
1. Tiền	111	V.1	8.641.327.115	13.892.024.567
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.937.116.108	142.658.076.693
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	26.388.142.660	124.446.984.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	15.357.432.292	18.977.666.487
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	840.789.136	882.673.978
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.649.247.980)	(1.649.247.980)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	183.091.012.371	141.519.372.253
1. Hàng tồn kho	141		183.091.012.371	141.519.372.253
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.935.128.967	34.968.597.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V9a	3.371.735.041	8.807.973.204
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.563.393.926	26.160.624.788
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.544.548.848.022	1.646.526.830.763
I. Tài sản cố định	220		1.365.468.209.614	1.435.826.705.640
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.365.468.209.614	1.435.826.705.640
- Nguyên giá	222		2.045.990.601.447	2.019.494.356.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(680.522.391.833)	(583.667.650.940)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		152.715.000	152.715.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.715.000)	(152.715.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.264.091.323
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	6.264.091.323
III. Tài sản dài hạn khác	260		179.080.638.408	204.436.033.800
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	179.080.638.408	204.436.033.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.792.153.432.583	1.979.574.902.268

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.111.113.613.415	1.506.163.097.988
I. Nợ ngắn hạn	310		750.755.516.610	812.968.559.849
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	116.177.807.120	84.461.635.740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	30.937.268.791	1.300.179.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.539.191.369	12.016.832.177
4. Phải trả người lao động	314		4.462.437.041	4.537.017.641
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10a	12.377.187.892	18.065.073.330
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.875.676.589	877.062.035
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	575.385.947.808	691.710.759.776
II. Nợ dài hạn	330		360.358.096.805	693.194.538.139
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	50.254.920.029	13.808.819.226
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.10b	9.962.183.711	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	300.140.993.065	679.385.718.913
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		681.039.819.168	473.411.804.280
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	681.039.819.168	473.411.804.280
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		578.390.000.000	378.390.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		578.390.000.000	378.390.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.405.713.000	7.650.713.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.383.458.551	59.383.458.551
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.811.263	1.811.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.858.836.354	27.985.821.466
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		27.985.821.466	23.339.482.437
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.873.014.888	4.646.339.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.792.153.432.583	1.979.574.902.268



Phạm Tiến Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024



Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng




Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.177.335.692.633	1.200.141.215.532
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		949.334.290	491.138.890
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.176.386.358.343	1.199.650.076.642
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.021.970.471.116	1.014.539.085.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.415.887.227	185.110.991.309
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	218.772.029	194.690.306
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	92.608.827.798	114.560.142.010
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.293.823.075	113.487.594.635
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.591.801.903	12.531.097.351
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	35.358.919.829	38.337.395.980
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.075.109.726	19.877.046.274
11. Thu nhập khác	31		307.349.225	15.797.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	970.318.694	1.685.444.052
13. Lợi nhuận khác	40		(662.969.469)	(1.669.647.052)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.412.140.257	18.207.399.222
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	9.539.125.369	13.561.060.193
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.873.014.888	4.646.339.029
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	138	123
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	138	123


Phạm Tiên Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024


Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng




Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	17.412.140.257	18.207.399.222
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	123.128.496.295	122.009.319.754
Các khoản dự phòng	03	-	682.936.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	899.365.208	396.725.792
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.128.726	(17.118.353)
Chi phí lãi vay	06	91.293.823.075	113.487.594.635
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	232.740.953.561	254.766.857.050
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	116.318.191.447	(83.932.778.014)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(41.571.640.118)	65.446.235.642
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	90.472.856.975	(85.831.890.136)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	6.546.935.687	(7.650.351.523)
Tiền lãi vay đã trả	14	(87.019.524.802)	(110.327.590.814)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.016.768.577)	(9.311.588.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	305.471.004.173	23.158.894.177
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.310.330.639)	(28.207.452.668)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.372.727.272	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000	-
4. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.439.558	17.118.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.907.163.809)	(28.190.334.315)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	199.755.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	863.318.973.163	1.087.813.181.634
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.358.888.510.979)	(1.070.790.032.966)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(295.814.537.816)	17.023.148.668
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.250.697.452)	11.991.708.530
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.892.024.567	1.900.316.037
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.641.327.115	13.892.024.567


Phạm Tiến Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024


Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng




Vương Đức Nhật
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sái Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 cấp ngày 27 tháng 02 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 578.390.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Tương đương 57.839.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm của Công ty: Sản xuất và kinh doanh xi măng clinker và vật liệu xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 317 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 317 người)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 503.150.932.049 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp, bổ sung thêm nguồn vốn bằng cách phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty thường xuyên đánh giá các ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các giải pháp để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Phát huy công suất Nhà máy Xi măng Nam Sơn sau cải tạo tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đồng thời cải tạo môi trường tại Nhà máy trở nên xanh sạch đẹp, tăng sản lượng sản xuất, tiết kiệm chi phí.
- Tại ngày 30/04/2021, Công ty đã sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II vào Công ty. Công ty sẽ cố gắng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh tại Sài Sơn II nhằm cung ứng xi măng cho thị trường Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh lân cận khác nhằm phát huy tối đa những lợi thế có sẵn của cả hai cơ sở sản xuất.
- Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất xi măng, đội ngũ lãnh đạo sáng tạo và đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, Công ty sẽ cố gắng tạo ra những sản phẩm tốt, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh.
- Tại ngày 18/01/2023, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 cổ phiếu với số tiền thu được từ vốn điều lệ tăng thêm là 200 tỷ đồng.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, giãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.
- Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
-

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	06 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phần mềm kế toán, hệ thống kiểm soát cân	02

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm lợi thế thương mại khi sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sái Sơn Li, các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều kỳ với giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

Lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty bị sáp nhập. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó. Theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	273.122.767	429.091.327
Tiền gửi ngân hàng	8.368.204.348	13.462.933.240
Cộng	8.641.327.115	13.892.024.567

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH)	6.359.408.636	909.578.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hùng Vương Thủ Đô	4.105.948.112	-
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và TM Thiên Nhật	4.116.805.579	9.325.454.994
Công ty TNHH Sơn Đồng	4.086.499.660	6.856.613.968
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	1.873.664.328	94.319.340.221
Phải thu khách hàng khác	5.845.816.345	13.035.997.025
Cộng	26.388.142.660	124.446.984.208
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	1.873.664.328	94.319.340.221

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dâu tằm tơ và Dệt may Mỹ Đức	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Yellow ANT	4.168.341.140	4.168.341.140
Công ty TNHH Công trình Quốc tế Nam Kinh Chope (tại Việt Nam)	2.622.852.485	-
Nhà cung cấp khác	3.566.238.667	9.809.325.347
Cộng	15.357.432.292	18.977.666.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	40.789.136	82.673.978
Phải thu khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	840.789.136	882.673.978

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Phú Thái Bình	800.000.000	-	(800.000.000)	800.000.000	-	(800.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn	682.936.000	-	(682.936.000)	682.936.000	-	(682.936.000)
Các đối tượng khác	166.311.980	-	(166.311.980)	166.311.980	-	(166.311.980)
Cộng	1.649.247.980	-	(1.649.247.980)	1.649.247.980	-	(1.649.247.980)

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	156.413.712.847	-	125.469.505.243	-
Công cụ, dụng cụ	681.699.128	-	246.909.723	-
Thành phẩm	25.995.600.396	-	15.802.957.287	-
Cộng	183.091.012.371	-	141.519.372.253	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	672.688.510.218	1.326.005.071.935	19.549.513.830	761.970.597	489.290.000	2.019.494.356.580
Mua trong năm	-	2.921.818.181	8.940.785.185	-	-	11.862.603.366
Xây dựng cơ bản hoàn thành	18.062.994.591	-	-	-	-	18.062.994.591
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.429.353.090)	-	-	(3.429.353.090)
Tại ngày cuối năm	690.751.504.809	1.328.926.890.116	25.060.945.925	761.970.597	489.290.000	2.045.990.601.447
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	170.534.540.338	401.364.311.578	10.709.384.477	737.470.591	321.943.956	583.667.650.940
Khấu hao trong năm	28.340.345.425	67.575.489.771	2.939.076.567	6.999.996	21.886.668	98.883.798.427
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.029.057.534)	-	-	(2.029.057.534)
Tại ngày cuối năm	198.874.885.763	468.939.801.349	11.619.403.510	744.470.587	343.830.624	680.522.391.833
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	502.153.969.880	924.640.760.357	8.840.129.353	24.500.006	167.346.044	1.435.826.705.640
Tại ngày cuối năm	491.876.619.046	859.987.088.767	13.441.542.415	17.500.010	145.459.376	1.365.468.209.614

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.365.468.209.614 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1.411.653.770.823 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 21.878.249.196 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 16.687.185.641 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và hệ thống kiểm soát cân với tổng nguyên giá là 152.715.000 đồng đã hết khấu hao.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.668.207.994	8.158.851.800
Chi phí sửa chữa	577.798.790	649.121.404
Chi phí trả trước khác	125.728.257	-
Cộng	3.371.735.041	8.807.973.204
h) Dài hạn		
Lợi thế thương mại khi sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	177.794.451.087	202.039.148.955
Chi phí trả trước khác	1.286.187.321	2.396.884.845
Cộng	179.080.638.408	204.436.033.800

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	12.377.187.892	18.065.073.330
Cộng	12.377.187.892	18.065.073.330
b) Dài hạn		
Chi phí lãi vay	9.962.183.711	-
Cộng	9.962.183.711	-
Chi phí phải trả bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	9.962.183.711	2.073.535.918

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	1.003.432.311	515.227.311
Các khoản phải trả, phải nộp khác	872.244.278	361.834.724
Cộng	1.875.676.589	877.062.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	27.829.126.100	27.829.126.100	12.801.770.850	12.801.770.850
Công ty Cổ phần Cát Hải	13.162.699.679	13.162.699.679	473.337.036	473.337.036
Công ty TNHH MTV Toàn Yên Bắc Giang	8.830.589.371	8.830.589.371	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	66.355.391.970	66.355.391.970	71.186.527.854	71.186.527.854
Cộng	116.177.807.120	116.177.807.120	84.461.635.740	84.461.635.740
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Đạt (*)	30.764.947.753	30.764.947.753	-	-
Nanjing C-Hope Cement Engineering Group Co., Ltd	14.231.508.436	14.231.508.436	13.808.819.226	13.808.819.226
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	5.258.463.840	5.258.463.840	-	-
Cộng	50.254.920.029	50.254.920.029	13.808.819.226	13.808.819.226
Phải trả người bán bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	5.258.463.840	5.258.463.840	-	-

(*) Khoản công nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Đạt có thời hạn thanh toán đến tháng 01 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lộc Nhất Sơn	30.080.905.746	-
Công ty Cổ phần xây lắp và thương mại Ba Vi	544.118.182	-
Công ty TNHH BG Vĩnh Phúc	-	820.630.000
Các khách hàng khác	312.244.863	479.549.150
Cộng	30.937.268.791	1.300.179.150

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp, bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	100.033.041.385	100.033.041.385	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	550.395.964	550.395.964	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.539.125.369	9.539.125.369	12.016.768.577	12.016.768.577
Thuế tài nguyên	66.000	841.200	838.800	63.600
Thuế đất, tiền thuê đất	-	1.851.195.020	1.851.195.020	-
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
Cộng	9.539.191.369	111.979.098.938	114.456.739.746	12.016.832.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	461.573.947.808	461.573.947.808	724.045.824.001	604.051.417.118	341.579.540.925	341.579.540.925
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	194.789.430.204	194.789.430.204	237.605.691.759	242.510.840.928	199.694.579.373	199.694.579.373
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (b)	52.206.559.751	52.206.559.751	124.024.481.464	107.575.005.544	35.757.083.831	35.757.083.831
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam (c)	59.379.615.001	59.379.615.001	149.846.122.206	147.226.293.210	56.759.786.005	56.759.786.005
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây (d)	49.261.725.135	49.261.725.135	98.639.810.855	98.736.777.436	49.358.691.716	49.358.691.716
- Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Hà Nội (e)	105.927.217.717	105.927.217.717	113.929.717.717	8.002.500.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	9.400.000	9.400.000	-	-	9.400.000	9.400.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết tại thuyết minh V.16)	113.812.000.000	113.812.000.000			350.131.218.851	350.131.218.851
Cộng	575.385.947.808	575.385.947.808			691.710.759.776	691.710.759.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN (TIẾP THEO)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/2745062/HĐTĐ ngày 18/01/2023. Hạn mức tín dụng thường xuyên là 200.000.000.000 đồng. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 31/12/2023. Thời hạn cho vay, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng cầm cố được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết hợp đồng hạn mức.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2023/HĐHM/VPB-SAISON ngày 26/04/2023. Giá trị của hạn mức tín dụng là 75.000.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng hạn mức. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất clinker, xi măng các loại. Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau: thế chấp ô tô theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5514181.01/HĐTC/VPB-SAISON ngày 25/01/2021, hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2022-05/HĐTC/VPB-SAISON ngày 27/05/2022; Bất động sản theo hợp đồng thế chấp số công chứng 2195, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/05/2022, hợp đồng thế chấp số công chứng 2194, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/05/2022; số tiết kiệm của Công ty và của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long; bảo lãnh của ông Nguyễn Sỹ Tiếp theo hợp đồng bảo lãnh số 10.08.2020/HĐBL/VPB-SAISON ngày 19/08/2020,.....
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng vay số 27474/21MB/HĐTĐ ngày 30/11/2021. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động sản xuất xi măng, clinker. Thời hạn duy trì hạn mức là 36 tháng kể từ ngày 30/11/2021 đến ngày 30/11/2024. Thời hạn trả nợ và lãi suất cho vay của mỗi lần giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là các hợp đồng tiền gửi của Ông Nguyễn Sỹ Tiếp tại HD bank.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 200/2023/HĐTD/STY ngày 10/07/2023. Giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất xi măng của Công ty. Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất linh hoạt. Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức không quá 08 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng cầm cố tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba số 01/2022/HĐBD/STY ngày 23/02/2022; 471/2021/HĐBD/STY/01 ngày 20/12/2021; 133/2022/HĐBD/STY ngày 03/08/2022,....
- (e) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay số 0048/2023-HĐCV/OCEANBANK.PGDNGUYENVANLOC ngày 07/08/2023. Hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh clinker và xi măng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ dài hạn	413.952.993.065	413.952.993.065	139.273.149.162	754.837.093.861	1.029.516.937.764	1.029.516.937.764
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	258.704.974.026	258.704.974.026	4.200.000.000	227.745.628.851	482.250.602.877	482.250.602.877
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức (b)	3.066.000.000	3.066.000.000	-	2.774.000.000	5.840.000.000	5.840.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam (c)	56.212.592.236	56.212.592.236	-	83.609.840.000	139.822.432.236	139.822.432.236
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	-	-	317.625.010	317.625.010	317.625.010
- Ông Nguyễn Sỹ Tiệp (d)	15.316.519.954	15.316.519.954	135.073.149.162	277.690.000.000	157.933.370.792	157.933.370.792
- Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long (e)	80.652.906.849	80.652.906.849	-	162.700.000.000	243.352.906.849	243.352.906.849
Nợ dài hạn đến hạn trả	(113.812.000.000)	(113.812.000.000)			(350.131.218.851)	(350.131.218.851)
Cộng	300.140.993.065	300.140.993.065			679.385.718.913	679.385.718.913
Vay và nợ thuế tài chính là bên liên quan (chi tiết thuyết minh VII.1)	95.969.426.803	95.969.426.803			401.286.277.641	401.286.277.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả:

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	(110.746.000.000)	(110.746.000.000)			(263.535.628.851)	(263.535.628.851)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức	(3.066.000.000)	(3.066.000.000)			(2.774.000.000)	(2.774.000.000)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây	-	-			(211.750.000)	(211.750.000)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam	-	-			(83.609.840.000)	(83.609.840.000)
Cộng	(113.812.000.000)	(113.812.000.000)			(350.131.218.851)	(350.131.218.851)

(a) Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn:

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay để phục vụ dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải để phát điện 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng, trả gốc vào cuối kỳ. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

Ngoài ra, tháng 09 năm 2020, Công ty phát sinh thêm gói vay 100 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/2745062/HĐTD ngày 28/09/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây. Mục đích vay để đầu tư hệ thống máy móc thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện 5MW. Thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất trong hạn đến hết ngày 31/12/2020 là 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng này.

Trong năm 2022 phát sinh khoản vay trung hạn mua xe. Cụ thể khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/2745062/HĐTD ngày 31/05/2022. Tổng số tiền vay là 1.030.000.000 đồng. Mục đích khoản vay để đầu tư 01 xe ô tô tải Ben. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất khoản vay đến hết ngày 31/05/2023 là 10%/năm. Các kỳ tiếp theo áp dụng theo lãi suất thả nổi. Khoản vay được đảm bảo bằng xe tải Ben với giá trị tài sản thế chấp theo định giá là 1.427.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(a) Các khoản vay kế thừa từ Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay số 01/2018/2897896/HĐTD ngày 13/12/2018 với tổng số tiền vay là 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án cải tạo dây chuyền nghiền và đóng bao xi măng - Nhà máy Xi măng Nam Sơn. Thời hạn cho vay 60 tháng. Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2023/2745062/SĐBS ngày 22/06/2023 cơ cấu lịch trả nợ món vay đến năm 2024. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 31/03/2019 là 10,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

Các khoản vay dài hạn còn lại tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay để phục vụ dự án cải tạo trạm nghiền và đóng bao xi măng tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Thời hạn vay là 60 tháng, trả gốc vào cuối kỳ, lãi được trả vào ngày 20 - 25 hàng tháng. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

Theo cam kết ba bên giữa ông Nguyễn Sỹ Tiệp, Công ty CP Xi măng Sài Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn Tây, các khoản vay trung hạn đến hạn trả nợ trong năm 2024 của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây với số tiền 104.145.520.826 đồng, được đảm bảo bằng số tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tổng giá trị đảm bảo là 108.760.000.000 đồng. Ông Nguyễn Sỹ Tiệp đồng ý và cam kết sẽ cho Công ty vay tiền trong thời hạn 5 năm để thanh toán các khoản vay tới hạn trong năm 2024 bằng chính các sổ tiết kiệm trong cam kết.

(b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD1722900020 ngày 17/08/2017. Số tiền cho vay là 3.800.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn của ông Nguyễn Sỹ Tiệp do Sacombank phát hành với tổng giá trị 3.880.000.000 đồng và phong tỏa tài khoản thanh toán số 020046958811 của Công ty trị giá 11.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số LD1723500041 ngày 23/08/2017. Số tiền cho vay là 3.500.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.615.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

- (c) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam theo các hợp đồng tín dụng trung hạn cụ thể. Mục đích để phục vụ cho dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án nhà máy điện tận dụng khí thải 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất áp dụng cho kỳ đầu tiên là 9,8%/năm và sẽ được điều chỉnh cho các kỳ tiếp theo. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại SHB theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.

Theo biên bản làm việc ba bên giữa ông Nguyễn Sỹ Tiệp, Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam, các khoản vay trung hạn đến hạn trả nợ trong năm 2024 của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam số tiền 56.212.592.236 đồng, được đảm bảo bằng số tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp với tổng giá trị đảm bảo là 56.245.000.000 đồng. Ông Nguyễn Sỹ Tiệp đồng ý và cam kết sẽ cho Công ty vay tiền trong thời hạn 5 năm để thanh toán các khoản vay tới hạn thanh toán trong năm 2024 bằng chính các số tiết kiệm trong cam kết.

- (d) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Sỹ Tiệp theo khế ước vay tiền số 02/KUVT/SS-NST ngày 01/07/2018 với số tiền cho vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng nhiệt khí thải công suất 5MW của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày chuyển tiền từng món vay. Lãi suất được thỏa thuận bằng biên bản thỏa thuận lãi suất ký kết giữa 02 bên theo từng thời điểm cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục khế ước vay tiền ngày 01/07/2018 liên quan đến việc áp dụng lãi suất 0% tính từ ngày 01/07/2018.

Phụ lục số 02/PLKUVT/SS-NST ngày 01/07/2023 về việc gia hạn thời gian vay là 60 tháng tiếp theo tính từ ngày 01/07/2023.

- (e) Khoản vay Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long được thực hiện theo hợp đồng số 01/HĐVT/SS-HL ngày 01/04/2022. Tổng số tiền cho vay là 300 tỷ đồng. Thời gian huy động đủ số tiền trên đến ngày 31/12/2022. Mục đích khoản vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian vay là 60 tháng tính theo từng món vay được chuyển vào tài khoản Công ty. Lãi suất khoản vay là 8%/năm, tính từ thời điểm nhận tiền. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Theo phụ lục hợp đồng số 01/HĐVT/SS-HL ngày 01/10/2022, lãi suất khoản vay là 9%/năm tính từ ngày 01/10/2022.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	113.812.000.000	350.131.218.851
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	299.458.057.065	679.385.718.913
Cộng	413.270.057.065	1.029.516.937.764
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn)	113.812.000.000	350.131.218.851
Số phải trả sau 12 tháng	299.458.057.065	679.385.718.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN (TIẾP THEO)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	23.339.482.437	468.765.465.251
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	4.646.339.029	4.646.339.029
Số dư đầu năm nay	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	27.985.821.466	473.411.804.280
Vốn góp tăng trong năm (*)	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	7.873.014.888	7.873.014.888
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(245.000.000)	-	-	-	(245.000.000)
Số dư cuối năm nay	578.390.000.000	7.405.713.000	59.383.458.551	1.811.263	35.858.836.354	681.039.819.168

(*) Khoản tăng vốn góp được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 150/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2022 về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn góp điều lệ năm 2022. Theo đó, Công ty chào bán thêm 20.000.000 cổ phiếu với giá chào bán bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mục đích chào bán cổ phiếu là để tái cơ cấu tình hình tài chính, trả nợ vay ngân hàng. Sau đợt phát hành cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 578.390.000.000 đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo này, số vốn điều lệ tăng thêm đã được Công ty sử dụng toàn bộ để tái toán trước hạn gốc vay ngân hàng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 578.390.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chi tiết vốn đầu tư của Công ty cụ thể như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	441.809.510.000	76,4%	241.809.510.000	63,9%
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	48.066.470.000	8,3%	48.066.470.000	12,7%
Cổ đông khác	88.514.020.000	15,3%	88.514.020.000	23,4%
Cộng	578.390.000.000	100%	378.390.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	57.839.000	37.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.839.000	37.839.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.839.000	37.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.839.000	37.839.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.956.608.022	2.956.608.022
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Đức Nguyên	818.322.000	818.322.000
Văn phòng Đan Phượng	560.594.133	560.594.133
Văn phòng Hà Nội	496.996.400	496.996.400
Đối tượng khác	1.080.695.489	1.080.695.489
Phải thu khác	311.485.910	311.485.910
Công ty Hoa Nam	224.760.000	224.760.000
Đối tượng khác	86.725.910	86.725.910
Trả trước cho người bán	63.450.000	63.450.000
Cộng	3.331.543.932	3.331.543.932

19. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội với mục đích xây dựng nhà máy xi măng Nam Sơn, làm Văn phòng Công ty,... Thời hạn thuê đất là 50 năm tính từ ngày 03/01/2007 đến hết ngày 15/11/2056 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Tổng diện tích khu đất thuê là 163.156 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất clinker, xi măng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VÉ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.177.335.692.633	1.200.141.215.532
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	2.167.796.958	134.197.311.212
Doanh thu bán thành phẩm	1.175.167.895.675	1.065.943.904.320
Cộng	1.177.335.692.633	1.200.141.215.532
Các khoản giảm trừ doanh thu	949.334.290	491.138.890
- Chiết khấu thương mại	949.334.290	491.138.890
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.176.386.358.343	1.199.650.076.642

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	110.356.541	131.430.119.207
Giá vốn bán thành phẩm	1.021.860.114.575	883.108.966.126
Cộng	1.021.970.471.116	1.014.539.085.333

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.439.558	17.118.353
Chênh lệch tỷ giá	198.332.471	177.571.953
Cộng	218.772.029	194.690.306

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	91.293.823.075	113.487.594.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.315.004.723	1.072.547.375
Cộng	92.608.827.798	114.560.142.010

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	1.048.240.000	647.639.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.349.664.379	11.880.672.890
Chi phí bằng tiền khác	193.897.524	2.785.000
Cộng	8.591.801.903	12.531.097.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	337.435.879	167.746.166
Chi phí nhân công	5.921.404.460	6.620.923.881
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.906.556.501	2.745.026.309
Thuế, phí và lệ phí	3.361.725	6.278.352
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	682.936.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.163.923.194	3.034.354.272
Chi phí khác bằng tiền	781.540.202	835.433.132
Lợi thế thương mại phân bổ	24.244.697.868	24.244.697.868
Cộng	35.358.919.829	38.337.395.980

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	25.506.275	272.648.212
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ theo Biên bản thanh tra thuế	-	1.412.795.840
Lỗ thanh lý tài sản cố định	334.917.509	-
Các khoản khác	609.894.910	-
Cộng	970.318.694	1.685.444.052

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.412.140.257	18.207.399.222
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	30.283.486.586	46.876.443.663
Các khoản chi phí không được trừ	30.283.486.586	46.876.443.663
- Chi phí không được trừ	30.257.980.311	46.603.795.451
- Các khoản tiền phạt	25.506.275	272.648.212
Thu nhập chịu thuế	47.695.626.843	65.083.842.885
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.539.125.369	13.016.768.577
Thuế TNDN truy thu năm 2020, 2021 theo Biên bản thanh tra thuế	-	544.291.616
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.539.125.369	13.561.060.193

9. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.873.014.888	4.646.339.029
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.873.014.888	4.646.339.029
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	57.236.260	37.839.000
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	138	123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	851.234.064.717	1.134.231.049.008
Chi phí nhân công	35.078.613.286	35.088.400.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.883.798.427	97.764.621.886
Thuế phí và lệ phí	1.846.037.575	2.155.385.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.268.757.778	152.875.140.670
Chi phí khác bằng tiền	1.447.509.765	994.664.781
Lợi thế thương mại	24.244.697.868	24.244.697.868
Cộng	1.076.003.479.416	1.447.353.960.470

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long

Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long Hòa Bình

Ông Vương Đức Nhật
Ông Nguyễn Trí Chung
Bà Nguyễn Thu Hằng
Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn kiêm Chủ tịch HĐQT
Cổ đông lớn đồng thời ông Nguyễn Sỹ Tiệp đang là chủ tịch HĐQT của Sài Sơn và Xi măng Hoàng Long
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp - Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là đại diện theo pháp luật của Hoàng Long Hòa Bình
Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	813.223.124.410	570.319.367.754
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	813.223.124.410	570.319.367.754
Mua hàng	51.485.081.200	47.627.938.937
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	51.485.081.200	47.627.938.937
Tặng vay	135.073.149.162	395.880.900.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	135.073.149.162	74.980.900.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	-	320.900.000.000
Trả gốc vay	440.390.000.000	263.862.093.151
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	277.690.000.000	186.315.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	162.700.000.000	77.547.093.151
Chi phí lãi vay phát sinh	14.364.939.699	16.570.202.077
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	14.364.939.699	16.570.202.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.873.664.328	94.319.340.221
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	1.873.664.328	94.319.340.221
Phải trả người bán dài hạn	5.258.463.840	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	5.258.463.840	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	95.969.426.803	401.286.277.641
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	15.316.519.954	157.933.370.792
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	80.652.906.849	243.352.906.849
Chi phí phải trả	9.962.183.711	2.073.535.918
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	9.962.183.711	2.073.535.918

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	60.000.000	60.000.000
Ông Vương Đức Nhật	12.000.000	12.000.000
Bà Phan Thị Hải	12.000.000	12.000.000
Ban Giám đốc	636.000.000	733.750.000
Ông Vương Đức Nhật	264.000.000	264.000.000
Ông Nguyễn Trí Chung	240.000.000	240.000.000
Ông Lê Mạnh Bình (miễn nhiệm từ ngày 16/11/2022)	-	163.750.000
Bà Nguyễn Thu Hằng	132.000.000	66.000.000
Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Na	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng	9.000.000	9.000.000
Bà Phùng Thị Duyên	9.000.000	9.000.000
Cộng	750.000.000	847.750.000

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 863.318.973.163 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 1.358.888.510.979 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo VND</u>	<u>Phân loại lại VND</u>	<u>Số sau phân loại lại VND</u>
<u>Bảng cân đối kế toán</u>				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	98.270.454.966	(13.808.819.226)	84.461.635.740
Phải trả người bán dài hạn	331	-	13.808.819.226	13.808.819.226
<u>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</u>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	97.764.621.886	24.244.697.868	122.009.319.754
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	16.594.346.345	(24.244.697.868)	(7.650.351.523)

Phạm Tiên Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc